

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Vũ Hải Yến yen.vh@vinataba.com.vn 19057425 14:45:14



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÂM AN
TAM AN AUDITING AND CONSULTING COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (024) 37425 888 * Website: <http://kiemtoantaman.com>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán:	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia NaDa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia NaDa là Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước theo Quyết định số 3211/QĐ – UB ngày 23 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Công ty Cổ phần Bia NaDa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600312723 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 03 năm 2003, thay đổi lần thứ 11 vào ngày 02 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty: Số 03 đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương đương 3.000.000 cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia NaDa bao gồm các đơn vị:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quan hệ
Xí nghiệp dịch vụ bao bì	Số 36 đường Giải Phóng, Phường Văn Miếu, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Đơn vị trực thuộc
Nhà máy đồ uống NaDa	Đường D2 khu Công nghiệp Hòa Xá, xã Lộc Hòa, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Đơn vị trực thuộc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức Giám đốc của Công ty Cổ phần Bia Nada từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

- Ngày 02 tháng 01 năm 2025, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 11 do thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, ngoài những sự kiện nêu trên không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đến ngày phát hành Báo cáo kiểm toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bùi Văn Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm nhiệm từ ngày 12 tháng 06 năm 2024
Ông Vũ Minh Mạnh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 06 năm 2024
Ông Trần Lê Minh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm nhiệm từ ngày 12 tháng 06 năm 2024
Ông Trần Văn Dụ	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 06 năm 2024
Ông Vũ Đình Bách	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 06 năm 2024
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 06 năm 2024
Ông Nguyễn Thanh Hưng	Thành viên HĐQT	
Ông Trần Văn Lâm	Thành viên HĐQT	
Ông Ngô Cảnh Dương	Thành viên HĐQT	

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Hồng Trương	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đinh Phú Trường	Thành viên Ban kiểm soát

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Giám đốc và kế toán trưởng điều hành công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo là:

Ông Nguyễn Thanh Hưng	Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2025
Ông Vũ Minh Mạnh	Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2025
Ông Trần Văn Lâm	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Bia NaDa đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tâm An.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nam Định, ngày 12 tháng 02 năm 2025



Nguyễn Thanh Hưng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÂM AN
TAM AN AUDITING AND CONSULTING COMPANY LIMITED

Số: 30/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Công ty Cổ phần Bia NaDa*

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia NaDa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia NaDa được lập ngày 12 tháng 02 năm 2025 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia NaDa tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÂM AN

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hà Phương

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số: 4033 - 2023 - 133 - 1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Kiểm toán viên

Lê Phương Anh

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số: 0739 - 2023 - 133 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADASố 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố
Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		47.611.598.952	46.787.170.959
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.885.460.069	7.727.170.486
111	1. Tiền		2.837.201.166	3.590.421.268
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.048.258.903	4.136.749.218
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.790.160.952	17.193.584.722
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	17.114.811.204	15.745.343.668
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.321.880.000	140.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	479.500.000	724.200.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	556.175.358	632.488.414
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	8	(682.205.610)	(48.447.360)
140	IV. Hàng tồn kho	9	16.853.377.807	21.796.508.083
141	1. Hàng tồn kho		16.853.377.807	21.796.508.083
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		82.600.124	69.907.668
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13.a	33.600.137	21.850.954
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	(943.273)
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	48.999.987	48.999.987
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		20.149.010.544	12.726.074.636
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		8.650.882.081	10.646.514.677
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	8.245.659.253	10.188.113.129
222	- Nguyên giá		194.662.951.928	208.538.538.600
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(186.417.292.675)	(198.350.425.471)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	405.222.828	458.401.548
228	- Nguyên giá		1.010.397.000	1.010.397.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(605.174.172)	(551.995.452)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	10.048.281.970	1.361.111.111
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.048.281.970	1.361.111.111
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.449.846.493	718.448.848
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13.b	1.449.846.493	718.448.848
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		67.760.609.496	59.513.245.595

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADASố 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố
Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		43.125.272.920	35.705.307.887
310	I. Nợ ngắn hạn		31.638.768.020	23.758.972.987
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	2.844.465.360	4.618.475.360
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	10.665.059.589	206.711.913
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.304.740.782	834.688.469
314	4. Phải trả người lao động		876.984.202	931.730.004
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	784.257.894	453.589.718
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17.a	436.498.871	471.819.930
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	13.656.300.000	14.495.300.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.070.461.322	1.746.657.593
330	II. Nợ dài hạn		11.486.504.900	11.946.334.900
337	1. Phải trả dài hạn khác	17.b	11.486.504.900	11.946.334.900
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		24.635.336.576	23.807.937.708
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	24.635.336.576	23.807.937.708
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		30.000.000.000	30.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		56.620.000	56.620.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(441.100.000)	(441.100.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.384.471.086	7.384.471.086
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(12.364.654.510)	(13.192.053.378)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		(13.192.053.378)	(14.795.386.889)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		827.398.868	1.603.333.511
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		67.760.609.496	59.513.245.595

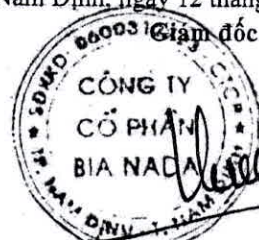
Người lập biểu

Trần Văn Lâm

Kế toán trưởng

Trần Văn Lâm

Nam Định, ngày 12 tháng 02 năm 2025



Nguyễn Thanh Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	84.229.256.225	84.415.791.925
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	23	84.229.256.225	84.415.791.925
11	4. Giá vốn hàng bán	24	76.330.415.454	74.809.416.537
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		7.898.840.771	9.606.375.388
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	187.390.679	258.746.823
22	7. Chi phí tài chính	26	1.460.427.607	1.097.893.271
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.437.930.809	1.087.346.602
25	9. Chi phí bán hàng	27	3.895.160.272	4.035.838.481
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	6.908.914.132	5.414.497.875
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh,		(4.178.270.561)	(683.107.416)
31	12. Thu nhập khác	29	5.039.087.160	3.016.951.567
32	13. Chi phí khác	30	33.417.731	240.510.640
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		5.005.669.429	2.776.440.927
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		827.398.868	2.093.333.511
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	-	490.000.000
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		827.398.868	1.603.333.511

Người lập biểu



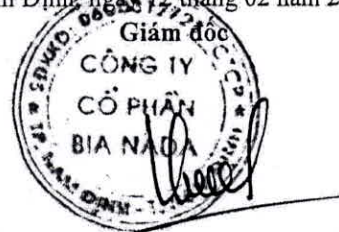
Trần Văn Lâm

Kế toán trưởng



Trần Văn Lâm

Nam Định, ngày 12 tháng 02 năm 2025



Nguyễn Thanh Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Phương pháp trực tiếp

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	133.499.992.154	50.630.691.943
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(96.333.801.079)	(31.141.883.495)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(11.490.170.185)	(11.044.973.148)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(1.107.401.240)	(756.283.845)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	-	(539.000.003)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	7.366.521.094	20.994.610.915
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(24.655.583.982)	(32.413.741.443)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.279.556.762	(4.270.579.076)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.794.249.370)	(1.361.111.111)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.003.148.148	3.005.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.034.800.000	6.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.662.034.043	789.715.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.094.267.179)	2.433.604.726
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(40.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	22.337.000.000	3.400.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.364.000.000)	(2.743.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.027.000.000)	616.200.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	3.158.289.583	(1.220.774.350)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.727.170.486	8.947.944.836
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	10.885.460.069	7.727.170.486

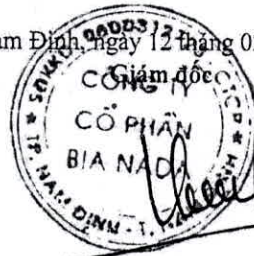
Người lập biểu

Trần Văn Lâm

Kế toán trưởng

Trần Văn Lâm

Nam Định, ngày 12 tháng 02 năm 2025



Nguyễn Thanh Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03 đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia NaDa là Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước theo Quyết định số 3211/QĐ – UB ngày 23 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Công ty Cổ phần Bia NaDa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600312723 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 03 năm 2003, thay đổi lần thứ 11 vào ngày 02 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty: Số 03 đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*). Với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương đương 3.000.000 cổ phần.

Số cán bộ, công nhân viên tại 31 tháng 12 năm 2024 là: 150 người.

Công ty Cổ phần Bia NaDa bao gồm các đơn vị:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quan hệ
Xí nghiệp dịch vụ bao bì	Số 36 đường Giải Phóng, Phường Văn Miếu, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	Đơn vị trực thuộc
Nhà máy đồ uống NaDa	Đường D2 khu Công nghiệp Hòa Xá, xã Lộc Hòa, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Đơn vị trực thuộc

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, thương mại và dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- + Sản xuất giấy nhẵn, bì nhẵn, bao bì từ giấy và bì; Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bì;
- + Dịch vụ liên quan đến in ấn;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03 đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2024

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện, vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03 đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2024

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03 đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2024

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	918.734.995	2.100.426.560
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.918.466.171	1.489.994.708
Các khoản tương đương tiền	8.048.258.903	4.136.749.218
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)</i>	<i>8.048.258.903</i>	<i>4.136.749.218</i>
Cộng	10.885.460.069	7.727.170.486

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định với lãi suất tiền gửi là 1,9% - 2,9%/ năm.

4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	17.114.811.204	15.745.343.668
- Công ty TNHH may T&C	1.622.700.383	1.462.892.537
- Jiaxing (Hong Kong) International Investment Limited	1.440.999.970	1.048.000.155
- Công ty Cổ phần Nam Tiếp	1.165.842.314	1.158.267.151
- Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufaturing Bảo Minh	1.026.004.921	910.842.511
- Phải thu khách hàng khác	11.859.263.616	11.165.341.314
Cộng	17.114.811.204	15.745.343.668

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	321.880.000	140.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kiến Hưng	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thịnh vượng Hoàng Triền	-	140.000.000
- Các đối tượng khác	321.880.000	-
Cộng	2.321.880.000	140.000.000

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn	479.500.000	-	724.200.000	-
Cho vay cá nhân (*)	479.500.000	-	724.200.000	-
- Lưu Mạnh Hùng	66.000.000	-	66.000.000	-
- Phạm Việt Phương	60.000.000	-	60.000.000	-
- Trương Văn Hùng	30.000.000	-	30.000.000	-
- Trần Thanh Tuyền	123.500.000	-	168.200.000	-
- Chu Văn Nhật	200.000.000	-	400.000.000	-
Cộng	479.500.000	-	724.200.000	-

(*): Đây là khoản cho cán bộ công nhân viên của công ty vay theo từng Giấy đề nghị vay vốn cụ thể với lãi suất 0% - 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	556.175.358	-	632.488.414	-
Bảo hiểm xã hội	87.907.758	-	87.340.814	-
Tạm ứng	468.267.600	-	545.147.600	-
Cộng	556.175.358	-	632.488.414	-

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH MTV Minh Phúc	48.447.360	-	48.447.360	-
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn miền Bắc	224.459.200	-	-	-
- Đào Văn Hoạch	79.935.400	-	-	-
- Phạm Việt Phương	58.094.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	271.269.650	-	-	-
Cộng	682.205.610	-	48.447.360	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.626.215.396	-	16.540.147.440	-
Công cụ, dụng cụ	905.282.233	-	985.805.433	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.080.073.237	-	1.015.779.140	-
Thành phẩm	1.241.806.941	-	3.254.776.070	-
Cộng	16.853.377.807	-	21.796.508.083	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

10. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí dở dang dài hạn (*)	10.048.281.970	1.361.111.111
Cộng	10.048.281.970	1.361.111.111

(*) Đây là chi phí liên quan đến việc thực hiện dự án Thi công xây dựng Nhà xưởng 1 tại Nhà máy đồ uống tổng hợp địa chỉ tại Lô M10, Khu Công nghiệp Hòa Xá, Xã Lộc Hòa, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	49.375.083.497	155.036.123.792	2.824.378.544	1.302.952.767	208.538.538.600
- Mua trong năm	-	305.000.000	-	-	305.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.180.586.672)	-	-	(14.180.586.672)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	49.375.083.497	141.160.537.120	2.824.378.544	1.302.952.767	194.662.951.928
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	42.090.012.767	152.313.915.167	2.643.544.770	1.302.952.767	198.350.425.471
- Khấu hao trong năm	1.104.959.904	961.660.198	180.833.774	-	2.247.453.876
- Thanh lý nhượng bán	-	(14.180.586.672)	-	-	(14.180.586.672)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	43.194.972.671	139.094.988.693	2.824.378.544	1.302.952.767	186.417.292.675
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.285.070.730	2.722.208.625	180.833.774	-	10.188.113.129
Tại ngày cuối năm	6.180.110.826	2.065.548.427	-	-	8.245.659.253

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 177.898.260.515 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	1.010.397.000	1.010.397.000
Số cuối năm	1.010.397.000	1.010.397.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	551.995.452	551.995.452
Số tăng trong năm	53.178.720	53.178.720
- Khấu hao trong năm	53.178.720	53.178.720
Số cuối năm	605.174.172	605.174.172
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	458.401.548	458.401.548
Tại ngày cuối năm	405.222.828	405.222.828

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	33.600.137	21.850.954
- Công cụ dụng cụ	516.145	-
- Chi phí khác	33.083.992	21.850.954
b. Dài hạn	1.449.846.493	718.448.848
- Công cụ dụng cụ	231.375.382	718.448.848
- Chi phí khác	1.218.471.111	-
Cộng	1.483.446.630	740.299.802

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	2.844.465.360	2.844.465.360	4.618.475.360	4.618.475.360
- Công ty TNHH Thành Dũng	969.537.172	969.537.172	755.887.504	755.887.504
- Công ty TNHH Sản xuất và xây dựng Khánh Ngọc	488.086.760	488.086.760	475.418.200	475.418.200
- Công ty TNHH bao bì quốc tế B&B	427.823.013	427.823.013	359.482.698	359.482.698
- Công ty TNHH Thương mại Thuận Hòa Phát	397.316.212	397.316.212	182.413.328	182.413.328
- Công ty TNHH Trang Duyên	234.603.000	234.603.000	215.681.400	215.681.400
Các đối tượng khác	327.099.203	327.099.203	2.629.592.230	2.629.592.230
Cộng	2.844.465.360	2.844.465.360	4.618.475.360	4.618.475.360

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.635.059.589	206.711.913
- Công ty đầu tư PT Mon Group	7.030.000.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Thảo Nguyên	3.530.000.000	-
- Các đối tượng khác	105.059.589	206.711.913
Cộng	10.665.059.589	206.711.913

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	784.257.894	453.589.718
Cộng	784.257.894	453.589.718

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	436.498.871	471.819.930
- Bảo hiểm xã hội	414.194.008	449.515.067
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.304.863	22.304.863
b. Dài hạn	11.486.504.900	11.946.334.900
- Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	11.486.504.900	11.946.334.900
Cộng	11.923.003.771	12.418.154.830

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số còn phải thu cuối năm	Số còn phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	63.138.806	2.637.776.603	2.008.277.754	-	692.637.655
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	523.144.563	11.018.692.491	11.159.065.572	-	382.771.482
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	48.999.987	-	-	-	48.999.987	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	64.340.678	61.519.757	-	2.820.921
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	248.405.100	2.341.910.050	2.363.804.426	-	226.510.724
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	16.532.473	16.532.473	-	-
Cộng	48.999.987	834.688.469	16.079.252.295	15.609.199.982	48.999.987	1.304.740.782

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	13.656.300.000	13.656.300.000	23.525.000.000	24.364.000.000	14.495.300.000	14.495.300.000
Vay cá nhân (*)	13.656.300.000	13.656.300.000	23.525.000.000	24.364.000.000	14.495.300.000	14.495.300.000
Cộng	13.656.300.000	13.656.300.000	23.525.000.000	24.364.000.000	14.495.300.000	14.495.300.000

(*): Đây là khoản vay cá nhân theo từng hợp đồng vay cụ thể với lãi suất từ 6%/năm đến 6,5%/năm mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh.

Trong đó vay các bên liên quan:		Số dư đầu năm	Số trả trong năm	Số vay trong năm	Số dư cuối năm
Đối tượng	Mối quan hệ	VND	VND	VND	VND
Ông Vũ Minh Mạnh	Chủ tịch HĐQT đến ngày 11 tháng 06 năm 2024 Giám đốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.900.000.000	14.100.000.000	6.200.000.000	-
Ông Trần Văn Lâm	Thành viên HĐQT	629.000.000	1.249.000.000	1.990.000.000	1.370.000.000
Ông Trần Văn Dụ	Thành viên HĐQT	510.000.000	1.110.000.000	600.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Hưng	Thành viên HĐQT	1.300.000.000	2.360.000.000	4.160.000.000	3.100.000.000
Ông Ngô Cảnh Dương	Thành viên HĐQT	1.796.300.000	1.100.000.000	800.000.000	1.496.300.000
Bà Vũ Thị Kim Thảo	Vợ ông Trần Văn Lâm - Thành viên HĐQT	-	1.000.000.000	3.900.000.000	2.900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	56.620.000	7.384.471.086	(401.100.000)	(14.795.386.889)	22.244.604.197
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	1.603.333.511	1.603.333.511
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(40.000.000)	-	(40.000.000)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	56.620.000	7.384.471.086	(441.100.000)	(13.192.053.378)	23.807.937.708
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	56.620.000	7.384.471.086	(441.100.000)	(13.192.053.378)	23.807.937.708
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	827.398.868	827.398.868
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	56.620.000	7.384.471.086	(441.100.000)	(12.364.654.510)	24.635.336.576

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Tổng công ty thuộc lá	3.853.500.000	13%	3.853.500.000	13%
- Vốn góp của đối tượng khác	26.146.500.000	87,16%	26.146.500.000	87,16%
Cộng	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	40.110	40.110
- Cổ phiếu phổ thông	40.110	40.110
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.959.890	2.959.890
- Cổ phiếu phổ thông	2.959.890	2.959.890

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.384.471.086	7.384.471.086

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngoại tệ các loại		
Đồng đô la Mỹ (USD)	150,06	163,26

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.229.256.225	84.415.791.925
Cộng	84.229.256.225	84.415.791.925

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.229.256.225	84.415.791.925
Cộng	84.229.256.225	84.415.791.925

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	76.330.415.454	74.809.416.537
Cộng	76.330.415.454	74.809.416.537

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	187.390.679	258.746.823
Cộng	187.390.679	258.746.823

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	1.437.930.809	1.087.346.602
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	22.496.798	10.546.669
Cộng	1.460.427.607	1.097.893.271

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	1.095.586.546	1.482.105.956
- Chi phí nhân viên	399.482.823	305.609.779
- Chi phí khấu hao	114.987.598	150.840.771
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.178.876.000	1.903.796.000
- Chi phí khác bằng tiền	106.227.305	193.485.975
Cộng	3.895.160.272	4.035.838.481

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	289.087.604	166.304.993
- Chi phí nhân viên	2.735.301.058	2.591.400.523
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	382.957.465	312.263.042
- Chi phí dự phòng	633.758.250	-
- Thuế, phí, lệ phí	2.341.910.050	1.925.835.038
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.628.909	137.486.000
- Chi phí khác bằng tiền	362.270.796	281.208.279
Cộng	6.908.914.132	5.414.497.875

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thanh lý tài sản cố định	5.020.718.148	3.005.000.000
- Thu nhập khác	18.369.012	11.951.567
Cộng	5.039.087.160	3.016.951.567

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí khác	33.417.731	240.510.640
Cộng	33.417.731	240.510.640

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	490.000.000
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	490.000.000

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC, hàng hóa	57.311.935.169	58.560.121.449
- Chi phí nhân công	14.429.206.830	12.452.428.534
- Chi phí khấu hao	2.371.327.040	2.509.741.387
- Chi phí dự phòng	633.758.250	-
- Thuế, phí, lệ phí	2.340.678.800	1.925.835.038
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.417.912.593	5.753.762.149
- Chi phí khác bằng tiền	1.962.430.364	528.638.454
Cộng	85.467.249.046	81.730.527.011

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.885.460.069	-	7.727.170.486	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.670.986.562	(682.205.610)	16.377.832.082	(48.447.360)
Các khoản cho vay	479.500.000	-	724.200.000	-
	29.035.946.631	(682.205.610)	24.829.202.568	(48.447.360)

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	13.656.300.000	14.495.300.000
Phải trả người bán, phải trả khác	14.767.469.131	17.036.630.190
Chi phí phải trả	784.257.894	453.589.718
	29.208.027.025	31.985.519.908

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.885.460.069			10.885.460.069
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.670.986.562	-		17.670.986.562
Các khoản cho vay	479.500.000	-		479.500.000
	29.035.946.631	-	-	29.035.946.631
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.727.170.486			7.727.170.486
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.377.832.082	-		16.377.832.082
Các khoản cho vay	724.200.000	-		724.200.000
	24.829.202.568	-	-	24.829.202.568

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	13.656.300.000	-	-	13.656.300.000
Phải trả người bán, phải trả khác	3.280.964.231	11.486.504.900	-	14.767.469.131
Chi phí phải trả	784.257.894	-	-	784.257.894
	17.721.522.125	11.486.504.900	-	29.208.027.025
Số đầu năm				
Vay và nợ	14.495.300.000	-	-	14.495.300.000
Phải trả người bán, phải trả khác	5.090.295.290	11.946.334.900	-	17.036.630.190
Chi phí phải trả	453.589.718	-	-	453.589.718
	20.039.185.008	11.946.334.900	-	31.985.519.908

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức Giám đốc của Công ty Cổ phần Bia Nada từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
- Ngày 02 tháng 01 năm 2025, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 11 do thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Ngoài những sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NADA

Số 03, Đường Thái Bình, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các thông tin về hoạt động kinh doanh của toàn công ty theo loại hình như sau

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng và cung cấp	Đơn vị tính: VND
		Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	84.229.256.225	84.229.256.225
Chi phí bộ phận	76.330.415.454	76.330.415.454
Kết quả kinh doanh bộ	7.898.840.771	7.898.840.771
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		10.804.074.404
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(2.905.233.633)
Doanh thu hoạt động tài chính		187.390.679
Chi phí tài chính		1.460.427.607
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-
Thu nhập khác		5.039.087.160
Chi phí khác		33.417.731
Thuế TNDN hiện hành		-
Lợi nhuận sau thuế		827.398.868

36. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phụ cấp	1.115.245.394	955.603.738

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu



Trần Văn Lâm

Kế toán trưởng



Trần Văn Lâm

Nam Định, ngày 12 tháng 02 năm 2025



Nguyễn Thanh Hưng